

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-PT
Ngày 13 - 7 - 2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Tăng

Ông Phạm Trung Thực

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngân, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXPT-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên

- Người kháng cáo: bị đơn bà Hoàng Thị B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày: Ông tự nguyện kết hôn với bà Hoàng Thị B, và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã H, tỉnh Hải Hưng (nay là thành phố H, tỉnh Hưng Yên) ngày 23 tháng 01 năm 1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông làm công nhân may, hay phải làm tăng ca đi sớm về muộn, bà B sinh nghi ngờ, ghen tuông dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, xô xát. Năm 2001 bà B đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và sống lưu vong đến năm 2009 bị trục xuất về nước nhưng mỗi người một nơi, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau. Năm 2014 bà B đã làm đơn ly hôn ông nhưng đến tháng 9 năm 2021 sau khi ông bà thỏa thuận giải quyết xong về tài sản chung thì bà B không đồng ý ly hôn, đồng thời rút đơn khởi kiện mục đích để ràng buộc và gây khó khăn cho ông vì thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1994 nên không còn tình cảm với nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là anh Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1990 đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà B cho rằng anh T1 bị bệnh thần kinh và yêu cầu ông phải có trách nhiệm trong việc chi phí điều trị cho anh T1 là không đúng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng: Ông và bà B đã thỏa thuận giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Hoàng Thị B trình bày: Bà kết hôn với ông Nguyễn Hữu T do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã H, tỉnh Hải Hưng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2001 bà đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, vẫn liên lạc và gửi tiền về cho ông T nuôi con và kiến thiết xây dựng nhà cửa, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Đến năm 2009 hết thời hạn xuất khẩu lao động về nước thì phát hiện ông T có chung sống với người phụ nữ khác nên bà đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Ông T không quan tâm và không đến trao đổi để vợ chồng chung sống nên năm 2014 bà đã làm đơn ly hôn với ông T. Trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết thì anh Nguyễn Hữu T1 là con chung của ông bà bị bệnh thần kinh, một mình bà phải lo chi phí chữa trị tốn kém nên bà đã rút đơn ly hôn, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án để ông T có trách nhiệm cùng với bà trong việc chi phí chữa trị bệnh cho con. Nay ông T xin ly hôn bà công nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau nhiều năm nhưng anh T1 bị bệnh thần kinh nên bà muốn cả hai vợ chồng đều phải có trách nhiệm chăm sóc chữa trị cho anh T1 nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1990 đã đủ 18 tuổi trưởng thành nhưng chưa xây dựng gia đình, đang điều trị bệnh thần kinh tại Bệnh viện Tâm thần kinh Hưng Yên. Bà yêu cầu ông T phải có trách nhiệm cùng bà chăm sóc chữa trị cho anh T

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu T1 trình bày:*
 Năm 2020 do bị mất ngủ nên anh đã đi khám tại Bệnh viện tâm thần kinh Hưng Yên và được bác sỹ chuẩn đoán anh bị bệnh rối loạn phân liệt cảm xúc, loại trầm cảm. Sau khi uống thuốc điều trị bệnh một thời gian bệnh tình của anh đã giảm, không bị mất ngủ nữa, cuộc sống sinh hoạt bình thường, anh đã đi làm, tự chăm lo cho bản thân và gia đình. Anh khẳng định không bị bệnh thần kinh như bà B trình bày tại Tòa án. Bố mẹ anh mâu thuẫn và sống ly thân nhau nhiều năm nay, không còn tình cảm, tin tưởng nhau, và coi nhau như người dưng.

Ủy ban nhân dân xã T cung cấp: Ông T bà B không đăng ký hôn tại địa phương, trong cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Hiện nay bà B đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Sổ đăng ký khai sinh từ năm 1990 trở về trước Ủy ban nhân dân xã không còn lưu giữ nên không cung cấp được chính xác bà B sinh năm 1968 hay năm 1975.

Tại bản án số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T được ly hôn bà Hoàng Thị B.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1990 đã đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, nợ, ruộng cấy: Ông T, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, bà B kháng cáo xin đoàn tụ vì vẫn còn tình cảm với ông B và con chung của vợ chồng là anh T1 đang bị thần kinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà B giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T để vợ chồng đoàn tụ vì bà vẫn còn tình cảm với ông T và con chung của vợ chồng là anh T1 đang bị thần kinh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Kể từ khi thụ ký vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo tài liệu do đương sự xuất trình thì ông Nguyễn Hữu T sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị B sinh năm 1975 nên khi kết hôn thì bà B chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, tuy nhiên ông và bà đều đã đủ tuổi kết hôn nên cấp sơ thẩm căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình xác định yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hữu T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo không đồng ý ly hôn của bà B, Hội đồng xét xử thấy: Bà B thừa nhận sau khi đi lao động tại Hàn Quốc về nước năm 2009 vợ chồng đã không cùng chung sống nên năm 2014 bà đã làm đơn ly hôn với ông T. Tháng 9 năm 2021 bà rút đơn khởi kiện ly hôn vì vợ chồng đã thỏa thuận với nhau về tài sản nhưng sau đó vợ chồng vẫn sống mỗi người một nơi không quan tâm chăm lo đến nhau, sự thừa nhận của bà B phù hợp với cung cấp của ông T và anh T1 đã có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông T và bà B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông T ly hôn bà B là phù hợp với thực trạng hôn nhân của ông và bà do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà B.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà B kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo bà Hoàng Thị B, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Hữu T ly hôn bà Hoàng Thị B.
2. Án phí: Bà Hoàng Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004557 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; Bà B đã nộp đủ án phí phúc thẩm.
3. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quang Tú